

SCI

Số: 02/2021/SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính Hợp nhất

Giữa niên độ đã được soát xét)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại – Giám đốc Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông in công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần SCI E&C lập ngày 10/08/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp nhất; Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất; Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Chính Đại



Số: 08.2A2021/SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C**

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCIE&C

Mã chứng khoán: **SCI**

Công ty Cổ phần SCIE&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế của BCTC Hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến Quý II năm 2021	Lũy kế đến Quý II năm 2020	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	2.486.645.330.006	435.749.546.450	+470.66
2	Giá vốn hàng bán	2.305.948.445.124	271.197.184.922	+750.28
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	104.659.833.264	66.757.227.133	+56.78

Nguyên nhân :

Trong kỳ, một số công trình/ hạng mục có tỷ lệ lợi nhuận cao đã được nghiệm thu. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến Lợi nhuận sau thuế báo cáo riêng lũy kế đến Quý II năm 2021 tăng 56.78 % so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN ✓



Nguyễn Chính Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

N.S.C.N: 01072

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10-44

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

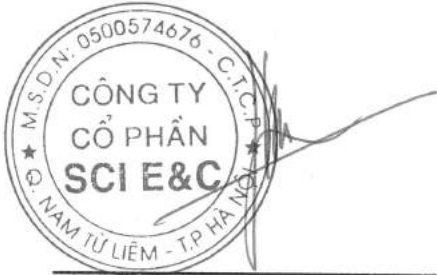
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021



CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

HA THANH BRANCH - ATC AUDITING AND VALUATION FIRM

Trụ sở chính: Tầng 8, tháp C, Tòa Central Point, số 219 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Văn phòng 1: Số 53, ngõ 378 phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội

Văn phòng 2: Số 66 phố Hà Trung, Phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel. (+84-24) 3 991 7977 * Phone: 0913 120 996

Website: <http://www.atcf.vn>

Số: 2021.11.08.02/BCKT/ATC-HN

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trong vế do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần SCI E&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 03 năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần SCI E&C cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 8 năm 2020.



Lý Trí Hùng - Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1648-2020-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.948.328.389.796	2.482.285.440.961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	542.086.044.931	148.216.717.468
1. Tiền	111		294.086.044.931	148.216.717.468
2. Các khoản tương đương tiền	112		248.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.250.175.656	312.130.175.656
1. Chứng khoán kinh doanh	121		175.656	2.750.175.656
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.250.000.000	309.380.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.754.367.987.094	1.684.726.272.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.315.610.079.310	1.166.264.952.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	463.508.653.540	527.844.591.834
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	45.135.395.345	34.636.932.359
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(69.886.141.101)	(44.020.204.127)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.523.015.576.920	326.125.998.110
1. Hàng tồn kho	141		1.523.015.576.920	326.125.998.110
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.608.605.195	11.086.277.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	21.492.878	198.320.021
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125.576.532.681	10.835.219.675
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	10.579.636	52.737.896
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		248.418.901.622	272.515.374.425
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.329.250.000	3.592.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.329.250.000	3.592.250.000
II. Tài sản cố định	220		218.333.427.081	259.691.983.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	169.927.290.780	207.343.234.373
- Nguyên giá	222		431.207.923.784	431.452.973.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.280.633.004)	(224.109.738.653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	48.406.136.301	52.339.582.528
- Nguyên giá	225		79.488.156.241	72.254.980.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.082.019.940)	(19.915.397.474)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	9.166.652
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110.000.000)	(100.833.348)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.725.037.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.725.037.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	7.820.000.000	7.820.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.820.000.000	7.820.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.211.187.541	1.411.140.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	45.363.636	49.703.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33.a	1.165.823.905	1.361.437.539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.196.747.291.418	2.754.800.815.386

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

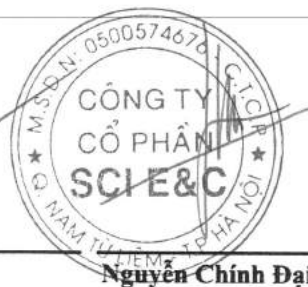
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.774.329.750.496	2.374.850.835.349
I. Nợ ngắn hạn	310		3.504.778.105.752	2.197.168.878.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	827.165.406.072	233.398.921.422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.017.350.183.008	1.201.533.012.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	26.526.113.153	23.093.695.132
4. Phải trả người lao động	314		20.067.243.759	37.547.965.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.236.241.783	84.213.394.771
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	75.693.052.932	66.957.897.315
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.515.488.831.150	535.846.646.599
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	6.808.863.248	10.484.219.759
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.442.170.647	4.093.125.177
II. Nợ dài hạn	330		269.551.644.744	177.681.956.581
0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	70.814.541.290	102.293.936.075
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	198.737.103.454	75.388.020.506
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		422.417.540.922	379.949.980.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	422.417.540.922	379.949.980.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.098.470.000	127.048.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.098.470.000	127.048.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.830.997.949)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		162.589.511.330	243.340.612.496
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		57.929.678.066	59.614.475.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.659.833.264	183.726.136.760
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		4.196.747.291.418	2.754.800.815.386

Bùi Thị Hoa

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.486.645.330.006	435.749.546.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.486.645.330.006	435.749.546.450
4. Giá vốn hàng bán	11	26	2.305.948.445.124	271.197.184.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		180.696.884.882	164.552.361.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	35.714.228.597	5.253.740.062
7. Chi phí tài chính	22	28	38.369.115.217	46.334.302.034
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.052.679.568	20.098.156.610
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	46.819.679.164	40.367.497.900
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		131.222.319.098	83.104.301.656
12. Thu nhập khác	31	30	9.678.038	319.723.145
13. Chi phí khác	32	31	28.232.989	8.608.941
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(18.554.951)	311.114.204
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		131.203.764.147	83.415.415.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	26.348.317.249	17.195.601.725
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33.b	195.613.634	(537.412.998)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		104.659.833.264	66.757.227.133
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		104.659.833.264	66.757.227.133
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.119	5.296

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		131.203.764.147	83.415.415.860
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		49.079.761.859	43.051.141.092
- Các khoản dự phòng	03		145.539.663.411	34.480.060.450
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.208.806.606)	136.317.178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.349.857.373)	(4.912.916.839)
- Chi phí lãi vay	06		32.052.679.568	20.098.156.610
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		342.317.205.006	176.268.174.351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(154.853.090.698)	(595.963.527.895)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.196.889.578.810)	(98.316.166.976)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		265.091.863.964	774.479.405.724
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		181.166.840	(148.720.437)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.750.000.000	36.120.481.467
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.362.085.519)	(20.319.776.547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.639.636.960)	(1.993.856.268)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(795.404.156.177)	270.126.013.419
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.137.031.421)	(84.309.078.983)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.984.994.422	327.272.729
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(249.000.000.000)	(600.492.783.680)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		555.130.000.000	323.519.222.036
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.749.906.678	4.507.822.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		294.727.869.679	(356.447.545.548)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		123.218.662.051	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.969.345.234.290	607.173.329.777
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.009.206.498.147)	(370.120.725.256)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(11.975.946.377)	(5.608.965.625)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(175.526.373.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		895.855.078.417	231.443.638.896

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		395.178.791.919	145.122.106.767
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		148.216.717.468	84.416.304.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.309.464.456)	176.854
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>542.086.044.931</u>	<u>229.538.587.780</u>

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25/10/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 254.098.470.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 254.098.470.000 đồng; tương đương 25.409.847 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***Cấu trúc Tập đoàn****Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 (hai);
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: không.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100%	100%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	100%	100%	Xây lắp

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm kế toán**

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
Phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.687.080.909	5.046.531.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	289.398.964.022	143.170.185.820
Các khoản tương đương tiền	248.000.000.000	-
	542.086.044.931	148.216.717.468

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	3.250.000.000	3.250.000.000	309.380.000.000	309.380.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.250.000.000	3.250.000.000	1.380.000.000	1.380.000.000
Trái phiếu	-	-	308.000.000.000	308.000.000.000
Đầu tư dài hạn	7.820.000.000	7.820.000.000	7.820.000.000	7.820.000.000
Trái phiếu	7.820.000.000	7.820.000.000	7.820.000.000	7.820.000.000
	11.070.000.000	11.070.000.000	317.200.000.000	317.200.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 30/06/2021 bao gồm:

- Khoản đầu tư dài hạn trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số lượng:
 - + 182 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025;
 - + 6 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 7 năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu GEX	175.656	-	175.656	-
Cổ phiếu MHC	-	-	2.750.000.000	-
	175.656	-	2.750.175.656	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty cổ phần SCI	488.980.639.748	448.146.226.401
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	417.805.836.662	250.491.467.600
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	-	240.331.714.377
Công ty CP điện gió hướng linh 7	283.142.879.582	38.971.611.577
Các khoản phải thu khách hàng khác	125.680.723.318	188.323.932.114
	1.315.610.079.310	1.166.264.952.069
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	504.231.105.037	503.084.226.497

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
 Phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MAU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Enercon GmbH	92.732.727.579		341.989.975.955	
Công ty CP Thiết bị và Dịch vụ TCE	62.401.541.265		64.064.130.100	
Công ty CP tập đoàn	54.829.712.960			
Trả trước khác	253.544.671.736		121.790.485.779	
	463.508.653.540	-	527.844.591.834	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan			719.795.539	788.157.839
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.322.332.667	-	11.718.405.542	-
Phải thu người lao động	2.423.657.782	-	2.724.607.844	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.057.350	-	4.057.350	-
Tạm ứng	21.213.215.586	-	8.143.198.287	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.000	-	37.500.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	9.392.490.197	-	5.483.742.274	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	4.997.006.649	-	2.795.222.491	-
Phải thu khác	5.745.135.114	383.541.210	3.730.198.571	383.541.210
	45.135.395.345	383.541.210	34.636.932.359	383.541.210
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	4.329.250.000	-	3.592.250.000	-
	4.329.250.000	-	3.592.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10 . NỢ XẤU

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6.248.083.094	-	6.248.083.094	-
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	3.425.189.422	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	-	7.589.191.360	4.201.784.044
Dự án Thủy điện Nam Thuen - Công ty Cổ phần SCI	107.315.028.735	52.422.223.475	51.970.907.869	25.985.453.934
Đối tượng khác	5.320.063.325	-	5.956.965.112	982.894.752
	122.308.364.576	52.422.223.475	75.190.336.857	31.170.132.730

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	162.149.211.050	-	99.640.011.764	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.360.866.365.870	-	226.485.986.346	-
	1.523.015.576.920	-	326.125.998.110	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	11.221.128.927	329.806.081.086	88.687.956.568	1.601.806.445	136.000.000	431.452.973.026
Mua sắm	-	5.774.181.818	702.818.182	-	-	6.477.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.722.049.242)	-	-	-	(6.722.049.242)
Tại ngày 30/6/2021	11.221.128.927	328.858.213.662	89.390.774.750	1.601.806.445	136.000.000	431.207.923.784
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	7.639.749.911	147.176.344.596	68.191.920.083	988.390.763	113.333.300	224.109.738.653
Trích khấu hao	140.264.112	29.886.326.068	7.501.627.529	224.421.666	22.666.700	37.775.306.075
Tăng khác (Mua TSCĐ thuê tài chính)	-	128.666.666	-	-	-	128.666.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(733.078.390)	-	-	-	(733.078.390)
Tại ngày 30/6/2021	7.780.014.023	176.458.258.940	75.693.547.612	1.212.812.429	136.000.000	261.280.633.004
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	3.581.379.016	182.629.736.490	20.496.036.485	613.415.682	22.666.700	207.343.234.373
Tại ngày 30/6/2021	3.441.114.904	152.399.954.722	13.697.227.138	388.994.016	-	169.927.290.780

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 156.473.138.376 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 104.152.871.425 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	62.276.055.093	9.978.924.909	72.254.980.002
Thuê tài chính	7.934.994.421	-	7.934.994.421
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(701.818.182)	(701.818.182)
Tại ngày 30/6/2021	70.211.049.514	9.277.106.727	79.488.156.241
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	19.164.072.454	751.325.020	19.915.397.474
Trích khấu hao	10.028.391.710	1.266.897.422	11.295.289.132
Giảm khác	-	(128.666.666)	(128.666.666)
Tại ngày 30/6/2021	29.192.464.164	1.889.555.776	31.082.019.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	43.111.982.639	9.227.599.889	52.339.582.528
Tại ngày 30/6/2021	41.018.585.350	7.387.550.951	48.406.136.301

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	110.000.000	110.000.000
Tại ngày 30/6/2021	110.000.000	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	100.833.348	100.833.348
Trích khấu hao	9.166.652	9.166.652
Tại ngày 30/6/2021	110.000.000	110.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	9.166.652	9.166.652
Tại ngày 30/6/2021	-	-

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.492.878	198.320.021
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-
	21.492.878	198.320.021
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	45.363.636	49.703.333
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
	45.363.636	49.703.333

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI	12.122.139.293	12.122.139.293	14.704.027.727	14.704.027.727
Enercon GmbH	406.929.995.263	406.929.995.263		
Phoutchareune Construction Co.Ltd	73.846.710.000	73.846.710.000		
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	52.946.298.354	52.946.298.354	1.090.623.100	1.090.623.100
Các khoản phải trả khác	281.320.263.162	281.320.263.162	217.604.270.595	217.604.270.595
	827.165.406.072	827.165.406.072	233.398.921.422	233.398.921.422
	27.175.542.992	27.175.542.992	34.721.488.052	34.721.488.052

Phải trả người bán là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	243.788.871.923	243.788.871.923	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	76.598.440	76.598.440	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	22.573.780.836	26.348.317.249	4.560.935.238	22.638.677.000	4.838.458.686	10.579.636	196.772.593	26.283.421.085	1.124.425	5.190.507	39.604.543
Thuế Thu nhập cá nhân	11.402.841	475.119.246	42.459.480	-	7.016.000	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	41.335.055	-	5.190.507	7.016.000	6.675.858	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	52.737.896	23.093.695.132	274.830.874.188	271.356.297.907	10.579.636	26.526.113.153						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
 Phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MAU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	417.712.999.005	471.060.049.797
Công ty CP điện gió hướng linh 8	209.610.194.697	102.607.579.145
Công ty CP SCI Lai Châu	201.924.213.930	216.908.153.633
Công ty CP điện gió hướng linh 7	150.983.975.331	127.534.685.777
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	-	259.000.000.000
Phải thu khách hàng khác	37.118.800.045	24.422.544.572
	1.017.350.183.008	1.201.533.012.924
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)	201.924.213.930	216.908.153.633

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.736.765.774	1.046.171.725
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	2.499.476.009	83.144.352.841
Chi phí phải trả khác	-	22.870.205
	4.236.241.783	84.213.394.771

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.153.787.328	863.132.930
Phải trả vật tư công trình chưa có hóa đơn	19.467.450.353	20.513.137.597
Phải trả tiền nhân công đội xây dựng	48.044.991.137	41.487.060.229
Cổ tức phải trả	2.342.555.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.684.268.514	4.094.566.559
	75.693.052.932	66.957.897.315

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/6/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	476.818.535.099	476.818.535.099	2.961.126.284.663	1.978.136.330.460	1.459.808.489.302	1.459.808.489.302
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	406.027.762.901	406.027.762.901	2.822.076.284.663	1.879.566.138.162	1.348.537.909.402	1.348.537.909.402
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh ⁽²⁾	37.290.772.198	37.290.772.198		27.020.192.298	10.270.579.900	10.270.579.900
- Vay ngắn hạn cá nhân ⁽³⁾	31.500.000.000	31.500.000.000	139.050.000.000	69.550.000.000	101.000.000.000	101.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO & MORE	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	41.819.400.000	41.819.400.000	26.397.051.035	31.070.167.687	37.146.283.348	37.146.283.348
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	36.545.000.000	36.545.000.000	25.048.428.873	28.215.000.000	33.378.428.873	33.378.428.873
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh ⁽⁵⁾	5.154.400.000	5.154.400.000	1.288.622.162	2.795.167.687	3.647.854.475	3.647.854.475
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	120.000.000	120.000.000	60.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	17.208.711.500	17.208.711.500	10.946.111.750	9.620.764.750	18.534.058.500	18.534.058.500
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-	9.915.737.500	9.915.737.500	4.957.868.750	4.957.868.750	9.915.737.500	9.915.737.500
- SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội ⁽⁷⁾	6.281.392.000	6.281.392.000	5.482.453.000	4.157.105.000	7.606.740.000	7.606.740.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽⁸⁾	1.011.582.000	1.011.582.000	505.790.000	505.791.000	1.011.581.000	1.011.581.000
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁹⁾	535.846.646.599	535.846.646.599	2.998.469.447.448	2.018.827.262.897	1.515.488.831.150	1.515.488.831.150

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

Lãi suất các khoản vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ.

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/		Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Phương thức bảo đảm tiền vay
		Số tiền vay	Đã sử dụng			
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/218/05/2021	3.630.468.747.000	3.630.468.747.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cấp tín dụng đến 30/04/2021	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 19134/HĐTĐ.DAH ngày 22/01/2020	40.000.000.000	40.000.000.000	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 28/12/2020	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Vay cá nhân Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm		101.000.000.000			
Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn						
STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/	Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367 /HĐTĐ ngày 27/03/2018 Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367 /HĐTĐ ngày 12/06/2018 Hợp đồng tín dụng số 03/2018/283367 /HĐTĐ ngày 26/12/2018 Hợp đồng tín dụng số 02/2019/283367 /HĐTĐ ngày 30/10/2019 Hợp đồng tín dụng số 02/2020/283367 /HĐTĐ ngày 27/04/2020	8.500.000.000	8.500.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Tài sản hình thành từ vốn vay
		17.278.800.000	17.278.800.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Tài sản hình thành từ vốn vay
		19.359.278.260	19.359.278.260	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Tài sản hình thành từ vốn vay
		111.000.000.000	111.000.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Tài sản hình thành từ vốn vay
		34.400.000.000	34.400.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Tài sản hình thành từ vốn vay
		69.066.060.563	69.066.060.563			
		3.506.948.000	3.506.948.000			Tài sản hình thành từ vốn vay
		4.213.759.904	4.213.759.904			Tài sản hình thành từ vốn vay
		9.930.188.960	9.930.188.960			Tài sản hình thành từ vốn vay
		2.618.428.873	2.618.428.873			Tài sản hình thành từ vốn vay
		25.938.226.426	25.938.226.426			Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2020/283367/HĐTD ngày 06/04/2020	35.700.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	22.858.508.400	Tài sản hình thành từ vốn vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh				4.876.755.000	
	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐTD.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.013.435.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 18153/SD/HĐTD.DAH ngày 03/04/2019 sửa đổi Hợp đồng số 18153/TH/HĐTD.DAH ngày 14/09/2018	19.800.000.000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.863.320.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội				1.390.766.300	
	Hợp đồng vay số 01/2018-HDCCVDADDT /NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	9.500.000.000	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	697.766.300	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Phụ lục 01 Hợp đồng vay số 01/2018-HDCCVDADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	4.435.766.300	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	218.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 07/2020-HĐCVADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 28/04/2020	595.000.000	Thanh toán mua xe HILUX 2.4	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	475.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính						
7	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội				26.711.596.875	
	Hợp đồng thuê tài chính số 21719000076/HĐCTTC ngày 03/05/2019	15.652.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	60 tháng kể từ ngày nhận nợ	9.391.200.000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 217190000230/HĐCTTC ngày 28/10/2019	13.892.400.000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	8.682.750.000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 217190000327/HĐCTTC ngày 26/12/2019	7.536.100.000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	4.710.062.500	
	Hợp đồng thuê tài chính số 21720000001/HĐCTTC ngày 06/01/2020	5.712.850.000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	3.927.584.375	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phương Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				20.909.167.400
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.079/2020 /TSC-CTTC ngày 13/07/2020	870.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	403.460.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.087/2020 /TSC-CTTC ngày 04/08/2020	592.840.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	347.500.400
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.093/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	660.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	403.760.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.094/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	7.536.100.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	512.200.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.113/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	1.380.160.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	849.952.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.048/2021 /TSC-CTTC ngày 26/04/2021	701.250.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	701.250.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.115/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	745.500.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	463.552.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.122/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2.424.500.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.535.980.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.123/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2.577.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.428.000.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.129/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1.700.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	958.580.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.130/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1.100.200.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	708.500.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.131/2020 /TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2.966.285.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.966.068.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.109/2020 /TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2.664.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.826.745.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.132/2020 /TSC-CTTC ngày 18/11/2020	2.850.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.889.130.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

Hợp đồng thuê tài chính số 02.147/2020 /TSC-CTTC ngày 11/12/2020	1.957.865.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.342.290.000
Hợp đồng thuê tài chính số 02.0006/2021 /TSC-CTTC ngày 29/01/2021	6.583.493.864	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	4.664.700.000
Hợp đồng thuê tài chính số 02.043/2021 /TSC-CTTC ngày 19/04/2021	907.500.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	907.500.000
9 Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				3.540.537.000
Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.05/CTTC ngày 19/11/2020	2.201.628.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.501.500.000
Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.06/CTTC ngày 19/11/2020	2.201.628.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.501.500.000
Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.07/CTTC ngày 19/11/2020	788.182.824	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	537.537.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Trích quỹ tiền lương dự phòng	6.808.863.248	10.484.219.759
	<u>6.808.863.248</u>	<u>10.484.219.759</u>
b) Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	198.737.103.454	75.388.020.506
	<u>198.737.103.454</u>	<u>75.388.020.506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
Phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020									
Tại ngày 01/01/2020	120.999.680.000	-	-	-	9.560.557.541	67.501.807.740	198.062.045.281		
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	183.726.136.760	183.726.136.760		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.682.202.004)	(1.682.202.004)		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.049.130.000	-	-	-	-	(6.049.130.000)	-		
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)		
Tại ngày 31/12/2020	127.048.810.000	-	-	-	9.560.557.541	243.340.612.496	379.949.980.037		
Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021									
Tại ngày 01/01/2021	127.048.810.000	-	-	-	9.560.557.541	243.340.612.496	379.949.980.037		
Tăng vốn trong kỳ này	127.049.660.000	(3.830.997.949)	-	-	-	-	123.218.662.051		
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	104.659.833.264	104.659.833.264		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(7.349.045.470)	(7.349.045.470)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(959.960)	(959.960)		
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(177.868.929.000)	(177.868.929.000)		
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	(192.000.000)	(192.000.000)		
Tại ngày 30/6/2021	254.098.470.000	(3.830.997.949)	-	(3.830.997.949)	9.560.557.541	162.589.511.330	422.417.540.922		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-SCIEC-ĐHĐCD ngày 12/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		183.726.136.760
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.349.045.470
Chi trả cổ tức bằng tiền (70% vốn điều lệ)	70%	177.868.929.000
Lợi nhuận chưa phân phối		58.122.638.026

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MÃ SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/6/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	59%	150.070.250.000	61%	76.865.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	41%	104.028.220.000	39%	50.183.560.000
	100%	254.098.470.000	100%	127.048.810.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127.048.810.000	120.999.680.000
- Vốn góp đầu kỳ	127.048.810.000	120.999.680.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	127.049.660.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	254.098.470.000	120.999.680.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.409.847	12.704.881
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.409.847	12.704.881
- Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết	25.409.847	12.704.881
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.409.847	12.704.881
- Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết	25.409.847	12.704.881
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
	9.560.557.541	9.560.557.541

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	19.806,80	19.418,91
Kip Lào	3.848.064.967,00	242.718.126,00

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.688.828.255	2.020.478.208
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.464.956.501.751	433.729.068.242
	2.486.645.330.006	435.749.546.450
Doanh thu đối với các bên liên quan	304.205.180.743	414.731.752.898

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MAU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	22.994.481.109	1.513.704.190
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.282.953.964.015	269.683.480.732
	2.305.948.445.124	271.197.184.922

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.475.888.855	4.657.413.584
Lãi bán các khoản đầu tư	7.773.512.008	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.256.021.128	596.326.478
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	12.208.806.606	-
	35.714.228.597	5.253.740.062

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.052.679.568	20.098.156.610
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.894.784.976	18.795.768.784
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	421.650.673	100.320.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	136.317.178
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	6.136.258.083
Chi phí tài chính khác	-	1.067.480.581
	38.369.115.217	46.334.302.034

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	5.753.560.481	1.319.448.712
Chi phí nhân công	8.419.264.129	6.363.998.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	939.603.212	4.648.990.222
Thuế, phí, lệ phí	4.829.455.379	931.739.787
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	22.190.580.463	22.994.434.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.473.136.854	2.605.373.433
Chi phí khác bằng tiền	1.214.078.646	1.503.512.141
	46.819.679.164	40.367.497.900

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MÃU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

30 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	255.503.255
Thu nhập khác	9.678.038	64.219.890
	9.678.038	319.723.145

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.976.430	
Các khoản bị phạt	24.208.037	6.526.464
Chi phí khác	48.522	2.082.477
	28.232.989	8.608.941

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.203.764.147	83.415.415.860
Các khoản điều chỉnh tăng	24.256.559	7.495.757
- Chi phí không hợp lệ	24.256.559	7.495.757
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(21.614.494)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(21.614.494)
Thu nhập tính thuế TNDN	131.228.020.706	83.401.297.123
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.348.317.249	17.195.601.725

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.165.823.905	1.361.437.539
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.165.823.905	1.361.437.539

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	195.613.634	(537.412.998)
	195.613.634	(537.412.998)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	104.659.833.264	66.757.227.133
Các khoản điều chỉnh	-	(2.670.289.085)
- <i>Quy khê thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(2.670.289.085)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	104.659.833.264	64.086.938.048
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.409.847	12.099.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.119	5.296

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.558.282.741.948	225.309.406.920
Chi phí nhân công	235.985.202.781	90.067.585.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.079.761.859	43.051.141.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.248.727.052	258.344.591.620
Chi phí khác bằng tiền	6.060.570.123	5.616.330.708
	3.365.657.003.763	622.389.055.679

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong	542.086.044.931	-	148.216.717.468	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.365.074.724.655	(69.886.141.101)	1.204.494.134.428	(44.020.204.127)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	3.250.175.656	-	312.130.175.656	-
Đầu tư dài hạn	7.820.000.000	-	7.820.000.000	-
	1.918.230.945.242	(69.886.141.101)	1.672.661.027.552	(44.020.204.127)

	Giá trị số kế toán	
	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.586.303.372.440	638.140.582.674
Phải trả người bán, phải trả khác	902.858.459.004	300.356.818.737
Chi phí phải trả	4.236.241.783	84.213.394.771
	2.493.398.073.227	1.022.710.796.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2021				
Tiền và các khoản tương	542.086.044.931	-	-	542.086.044.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.290.859.333.554	4.329.250.000	-	1.295.188.583.554
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	3.250.175.656	-	-	3.250.175.656
Đầu tư dài hạn	-	7.820.000.000	-	7.820.000.000
	1.836.195.554.141	12.149.250.000	-	1.848.344.804.141

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MÃ SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương	148.216.717.468	-	-	148.216.717.468
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.156.881.680.301	3.592.250.000	-	1.160.473.930.301
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	312.130.175.656	-	-	312.130.175.656
Đầu tư dài hạn	-	7.820.000.000	-	7.820.000.000
	1.617.228.573.425	11.412.250.000	-	1.628.640.823.425

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2021				
Vay và nợ	1.515.488.831.150	70.814.541.290	-	1.586.303.372.440
Phải trả người bán, phải Chi phí phải trả	902.858.459.004	-	-	902.858.459.004
	4.236.241.783	-	-	4.236.241.783
	2.422.583.531.937	70.814.541.290	-	2.493.398.073.227
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	535.846.646.599	102.293.936.075	-	638.140.582.674
Phải trả người bán, phải Chi phí phải trả	300.356.818.737	-	-	300.356.818.737
	84.213.394.771	-	-	84.213.394.771
	920.416.860.107	102.293.936.075	-	1.022.710.796.182

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.215.457.008.621	271.188.321.385	2.486.645.330.006
Tài sản bộ phận	4.039.688.356.884	157.058.934.534	4.196.747.291.418
Tổng chi phí mua TSCĐ	14.411.994.421	-	14.411.994.421



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021**MÁU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		304.205.180.743	414.731.752.898
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	269.681.487.071	356.694.932.323
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3.695.454.545	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	30.828.239.127	58.036.820.575
Mua hàng hóa, dịch vụ		11.132.242.625	530.243.258
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	38.513.087.320	15.170.594.224
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	1.151.208.490	-
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	9.981.034.135	530.243.258

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/6/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		504.231.105.037	503.084.226.497
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	488.980.639.748	448.146.226.401
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	13.900.465.289	43.943.000.172
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1.350.000.000	10.994.999.924
Ứng trước cho nhà cung cấp		719.795.539	788.157.839
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Công ty mẹ	668.284.542	736.646.842
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.510.997	51.510.997
Phải trả người bán		27.175.542.992	34.721.488.052
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	12.122.139.293	20.017.460.325
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	14.704.027.727	14.704.027.727
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	349.375.972	-
Người mua trả tiền trước		201.924.213.930	216.908.153.633
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	201.924.213.930	216.908.153.633

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/6/2021	đến 30/6/2020
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.456.594.440	1.327.145.217
Ông Phan Thanh Hải		294.945.026	249.132.973
Ông Nguyễn Chính Đại		347.718.887	318.288.649
Ông Nguyễn Công Hùng		125.718.887	123.288.649
Ông Nguyễn Văn Phúc		73.500.000	75.000.000
Ông Nguyễn Tài Sơn		48.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Quang Thiện		24.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Hải		289.266.614	274.984.973
Ông Nguyễn Công Hòa		253.445.026	250.449.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021